

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK NÔNG

Số: 36 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Nông, ngày 08 tháng 01 năm 2019

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính thay thế và bãi bỏ lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 4660/QĐ-BNN-KTHT ngày 26/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 277/TTr-SNN ngày 28 tháng 12 năm 2018,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính thay thế và bãi bỏ lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**Điều 2.** Giao Văn phòng UBND tỉnh cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và niêm yết, công khai tại Trung tâm hành chính công; UBND các huyện, thị xã; UBND các xã, phường, thị trấn niêm yết, công khai tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.



Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *nr*

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Bộ NN&PTNT;
- Cục KSTTHC - VPCP;
- CT và các PCT UBND Tỉnh;
- Các PCVP UBND Tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TTHCC, KSTT.

4

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Cao Huy**



**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHÍNH THAY THẾ, BỊ BÃI BỎ  
LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA  
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số **36** /QĐ-UBND ngày **09** tháng **01** năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)



**A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH**

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết, yêu cầu, điều kiện thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú	
<b>I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH</b>							
	<b>Hỗ trợ dự án liên kết</b>	<p><b>1. Thành phần hồ sơ:</b></p> <p>a) Đơn đề nghị của Chủ đầu tư dự án liên kết (theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo quyết định này);</p> <p>b) Dự án liên kết (theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo quyết định này) hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết (theo Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo quyết định này);</p> <p>c) Bản thỏa thuận cử đơn vị Chủ đầu tư dự án liên kết (theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo quyết định này) đối với trường hợp các doanh nghiệp, hợp tác xã ký hợp đồng liên kết với nhau;</p> <p>d) Bản sao chụp các chứng nhận hoặc bản cam kết về tiêu chuẩn chất lượng sản</p>	<p><b>a) Trình tự thực hiện:</b></p> <p>- <b>Bước 1.</b> Chủ đầu tư dự án liên kết nộp hồ sơ tại Trung tâm Hành chính công (TTHCC), theo đường bưu điện hoặc trực tiếp. Địa chỉ: Số 1 đường Điều Ong, phường Nghĩa Trung, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.</p> <p>Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc, kể từ lúc nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, TTHCC chuyển hồ sơ về Chi Phát triển nông thôn thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>- <b>Bước 2:</b> Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ từ TTHCC, Chi cục Chi Phát triển nông thôn có trách nhiệm kiểm tra thành phần hồ sơ, các nội dung chủ yếu trong hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định thì thực hiện Bước 3.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ không đáp ứng được các điều kiện theo quy định, Chi cục Chi Phát triển nông thôn có thông báo bằng văn bản cho TTHCC.</p> <p>Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc TTHCC thông báo cho Chủ đầu tư dự án liên kết bổ sung các giấy tờ có liên quan trong hồ sơ theo quy định</p> <p>- <b>Bước 3.</b> Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Chi cục Phát triển nông thôn tham mưu thành lập hội đồng thẩm định hồ sơ. Hội đồng thẩm định gồm Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là chủ tịch hội đồng, các thành viên là đại diện Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, các Sở ngành liên quan và lãnh đạo Ủy ban nhân dân các huyện có liên quan.</p>	Không		<p>Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chỉnh sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp</p>	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết, yêu cầu, điều kiện thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường; hoặc cam kết bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường (theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo quyết định này);</p> <p>đ) Bản sao chụp hợp đồng liên kết.</p> <p><b>2. Số lượng hồ sơ:</b> 01 bộ</p>	<p>+ Trong thời hạn 12 ngày làm việc sau khi nhận được hồ sơ, Hội đồng tổ chức thẩm định, nếu hồ sơ đủ điều kiện thì Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có tờ trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt.</p> <p>+ Nếu hồ sơ không đủ điều kiện thì trong vòng 02 ngày làm việc kể từ khi thẩm định, Chi cục Phát triển nông thôn phải thông báo và nêu rõ lý do cho chủ đầu tư dự án liên kết được biết.</p> <p>- <b>Bước 4.</b> Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn UBND tỉnh xem xét ra quyết định phê duyệt hỗ trợ dự án liên kết.</p> <p>- <b>Bước 5:</b> Sau khi nhận được kết quả từ UBND tỉnh, trong thời hạn 0,5 ngày làm việc (không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ). Trung tâm Hành chính công có trách nhiệm thông báo kết quả cho chủ đầu tư dự án liên kết theo các hình thức: Công thông tin điện tử của tỉnh; Mail, Zalo của Chủ đầu tư dự án liên kết.</p> <p>* Trung tâm hành chính công trả kết quả cho chủ đầu tư dự án liên kết theo các hình thức sau:</p> <p>- Trả trực tiếp cho chủ đầu tư dự án liên kết tại Trung tâm hành chính công.</p> <p>- Trả kết quả qua đường bưu chính theo đề nghị của chủ đầu tư dự án liên kết (phí dịch vụ bưu chính do chủ đầu tư dự án liên kết chi trả).</p> <p><b>b) Thời gian giải quyết:</b> 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trong đó:</p> <p>- Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày làm việc.</p> <p>- Chi cục Phát triển nông thôn 2,5 ngày làm việc</p> <p>- Hội đồng thẩm định 12 ngày làm việc</p> <p>- UBND tỉnh 10 ngày làm việc:</p>			

## II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

Hồ trợ dự án liên kết	Thành phần hồ sơ:	Trình tự thực hiện:	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	<p><b>1. Thành phần hồ sơ:</b></p> <p>a) Đơn đề nghị của Chủ đầu tư dự án liên kết (theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo quyết định này);</p>	<p><b>a) Trình tự thực hiện:</b></p> <p>- <b>Bước 1.</b> Chủ đầu tư dự án liên kết nộp hồ sơ tại Phòng một cửa UBND cấp huyện (gọi chung là Phòng một cửa). Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc, kể từ lúc nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Phòng một cửa chuyển hồ sơ về Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông</p>	Không	Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018	



Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết, yêu cầu, điều kiện thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>b) Dự án liên kết (theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo quyết định này) hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết (theo Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo quyết định này);</p> <p>c) Bản thỏa thuận cử đơn vị Chủ đầu tư dự án liên kết (theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo quyết định này) đối với trường hợp các doanh nghiệp, hợp tác xã ký hợp đồng liên kết với nhau;</p> <p>d) Bản sao chụp các chứng nhận hoặc bản cam kết về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường; hoặc cam kết bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường (theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo quyết định này);</p> <p>đ) Bản sao chụp hợp đồng liên kết.</p> <p><b>2. Số lượng hồ sơ:</b> 01 bộ</p>		<p>thôn (hoặc Phòng Kinh tế thị xã, gọi chung là Phòng Nông nghiệp).</p> <p><b>Bước 2:</b> Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ từ Phòng một cửa Phòng Nông nghiệp có trách nhiệm kiểm tra thành phần hồ sơ, các nội dung chủ yếu trong hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định thì thực hiện Bước 3.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ không đáp ứng được các điều kiện theo quy định, Phòng Nông nghiệp có thông báo bằng văn bản cho Phòng một cửa. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc Phòng một cửa thông báo cho Chủ đầu tư dự án liên kết biết bổ sung các giấy tờ có liên quan trong hồ sơ theo quy định.</p> <p><b>Bước 3.</b> Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Phòng Nông nghiệp tham mưu thành lập hội đồng thẩm định hồ sơ. Hội đồng thẩm định gồm Lãnh đạo Phòng Nông nghiệp là chủ tịch hội đồng, các thành viên là đại diện Phòng Kế hoạch, Tài chính, các đơn vị liên quan và lãnh đạo Ủy ban nhân dân các xã có liên quan.</p> <p>+ Trong thời hạn 12 ngày làm việc sau khi nhận được hồ sơ, Hội đồng tổ chức thẩm định, nếu hồ sơ đủ điều kiện thì Phòng Nông nghiệp có tờ trình trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét phê duyệt.</p> <p>+ Nếu hồ sơ không đủ điều kiện thì trong vòng 02 ngày làm việc kể từ khi thẩm định, Phòng Nông nghiệp phải thông báo và nêu rõ lý do cho chủ đầu tư dự án liên kết được biết.</p> <p><b>Bước 4.</b> Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày Phòng Nông nghiệp trình, UBND cấp huyện xem xét ra quyết định phê duyệt hồ trợ dự án liên kết.</p> <p><b>Bước 5:</b> Sau khi nhận được kết quả trả từ UBND cấp huyện, trong thời hạn 0,5 ngày làm việc (không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ). Bộ phận một cửa có trách nhiệm thông báo kết quả cho chủ đầu tư dự án liên kết theo các hình thức: Công thông tin điện tử của huyện; Mail, Zalo của Chủ đầu tư dự án liên kết (nếu có).</p> <p>* Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trả kết quả cho chủ đầu tư dự án liên kết theo các hình thức sau:</p>		của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết, yêu cầu, điều kiện thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			<p>- Trả trực tiếp cho chủ đầu tư dự án liên kết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.</p> <p>- Trả kết quả qua đường bưu chính theo đề nghị của chủ đầu tư dự án liên kết (phí dịch vụ bưu chính do chủ đầu tư dự án liên kết chi trả).</p> <p><b>c) Thời gian giải quyết:</b> 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phòng một cửa: 0,5 ngày làm việc.</li> <li>- Phòng Nông nghiệp: 2,5 ngày làm việc.</li> <li>- Hội đồng thẩm định: 12 ngày làm việc.</li> <li>- UBND cấp huyện: 10 ngày làm việc.</li> </ul>			

**B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH ĐƯỢC THAY THẾ.**

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Ghi chú
1	B-BNN-287775-TT	Phê duyệt chủ trương xây dựng cảnh đồng lớn	Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
2	B-BNN-287784-TT	Phê duyệt Dự án hoặc Phương án cảnh đồng lớn.		Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	

**C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ BỊ BÀI BỎ.**

STT	Số hồ Sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính bị bãi bỏ	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC	Lĩnh vực	Ghi chú
1	B-BNN-287783-TT	Xác nhận việc thực hiện hợp đồng liên kết và tiêu thụ nông sản.	Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	